TRƯỜNG THPT MƯỜNG CHÀ

THỰC ĐƠN TUẦN 11 NĂM HỌC 2026 -2027

STT	Bữa	Thứ 2 (09/11/2026)	Thứ 3 (10/11/2026)	Thứ 4 (11/11/2026)	Thứ 5 (12/11/2026)	Thứ 6 (13/11/2026)	Thứ 7 (14/11/2026)	Chủ nhật (15/11/2026)
1	Bữa trưa	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ
		Giò lợn	Đậu phụ rang thịt	Chả cá thì là rán	Đậu phụ rang thịt	Giò lợn	Chả cá thì là rán	Thịt lợn vai xay rang trứng
		Rau cải luộc	Bí xanh luộc	Rau cải luộc	Bí đỏ luộc	Rau cải luộc	Su su luộc	Bí đỏ luộc
		Canh thịt lợn xay rau cải	Canh thịt lợn xay Bí xanh	Canh thịt lợn xay rau cải	Canh thịt lợn xay Bí đỏ	Canh thịt lợn xay Rau cải	Canh thịt lợn xay Su su	Canh thịt lợn xay Bí đỏ
2	Bữa tối	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ
		Thịt lợn vai xay rang trứng	Thịt gà rang gừng	Thịt lợn xào Su hào	Thịt gà rang gừng	Thịt lợn vai xay rang trứng	Thịt lợn xào su su	Thịt gà rang gừng
		Bí đỏ luộc	Su su luộc	Su hào luộc	Bí xanh luộc	Bí đỏ luộc	Bí xanh luộc	Bí xanh luộc
		Canh thịt lợn xay Bí đỏ	Canh thịt lợn xay Su su	Canh thịt lợn xay Su hào	Canh thịt lợn xay Bí xanh	Canh thịt lợn xay Bí đỏ	Canh thịt lợn xay Bí xanh	Canh thịt lợn xay Bí xanh

TRƯỞNG BAN QUẢN TRỊ ĐỜI SỐNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MƯỜNG CHÀ

HIỆU TRƯỞNG
Vũ Trọng Vinh

Sở GDĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MƯỜNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Thứ 2 , ngày 09 tháng 11 năm 2026

TS HS toàn trường			HS bán trú				Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS bán trú	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
			569	569	-	-	29,000	16,501,000	-	

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	569	Trưa (Giờ ăn: 11h15)	Gạo	Kg	137			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Giò lợn nạc	Kg	37.5	170,000	6,375,000				Giò Hấp
3			Thịt lợn vai xay	Kg	2.0	150,000	300,000				Nấu Canh
4			Rau cải	Kg	77.5	20,000	1,550,000				Luộc, nấu canh
Cộng trưa							**8,225,000**				
1	569	Tối (Giờ ăn: 17h45)	Gạo	Kg	137			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt lợn vai xay	Kg	27.3	150,000	4,095,000				Thịt rang trứng
3			Thịt lợn vai xay	Kg	2.0	150,000	300,000				Nấu canh
4			Trứng gà	Quả	522.0	4,500	2,349,000				
5			Bí đỏ	Kg	76.6	20,000	1,532,000				Luộc, nấu canh
Cộng tối							**8,276,000**				
Tổng cả ngày							**16,501,000**				

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MƯỜNG CHÀ

Lường Văn Hà

Sở GDĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MƯỜNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Thứ 3 , ngày 10 tháng 11 năm 2026

TS HS toàn trường			HS bán trú				Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS bán trú	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
			569	569	-	-	29,000	16,501,000	-	

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	569	Trưa (Giờ ăn: 11h15)	Gạo	Kg	137			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt lợn vai	Kg	35.6	150,000	5,340,000				Thịt rang đậu phụ
3			Thịt lợn vai xay	Kg	2.0	150,000	300,000				Nấu canh
4			Đậu phụ	Kg	48.5	22,000	1,067,000				
5			Bí xanh	Kg	77.8	20,000	1,556,000				Luộc, nấu canh
Cộng trưa							**8,263,000**				
1	569	Tối (Giờ ăn: 17h45)	Gạo	Kg	137			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt gà công nghiệp	Kg	72.6	90,000	6,534,000				Thịt gà rang gừng
3			Thịt lợn vai xay	Kg	2.0	150,000	300,000				Nấu canh
4			Su su	Kg	70.2	20,000	1,404,000				Luộc, nấu canh
Cộng tối							**8,238,000**				
Tổng cả ngày							**16,501,000**				

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MƯỜNG CHÀ

Lường Văn Hà

Sở GDĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MƯỜNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Thứ 4 , ngày 11 tháng 11 năm 2026

TS HS toàn trường			HS bán trú					Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS bán trú	Có mặt		Vắng mặt					
						Có lý do	Không có lý do				
			569		569	-	-	29,000	16,501,000	-	

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	569	Trưa (Giờ ăn: 11h15)	Gạo	Kg	137			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Chả cá thì là	Kg	58.6	115,000	6,739,000				Chả cá Rán
4			Thịt lợn vai xay	Kg	2.0	150,000	300,000				Nấu canh
5			Rau cải	Kg	69.9	20,000	1,398,000				Luộc, nấu canh
Cộng trưa							**8,437,000**				
1	569	Tối (Giờ ăn: 17h45)	Gạo	Kg	137			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt lợn vai	Kg	37.2	150,000	5,580,000				Thịt xào Su su
3			Su hào	Kg	35.5	20,000	710,000				
4			Thịt lợn vai xay	Kg	2.0	150,000	300,000				Nấu canh
5			Su hào	Kg	73.7	20,000	1,474,000				Luộc, nấu canh
Cộng tối							**8,064,000**				
Tổng cả ngày							**16,501,000**				

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MƯỜNG CHÀ

Lường Văn Hà

Sở GDĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MƯỜNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Thứ 5 , ngày 12 tháng 11 năm 2026

TS HS toàn trường			HS bán trú					Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS bán trú	Có mặt		Vắng mặt					
						Có lý do	Không có lý do				
			569		569	-	-	29,000	16,501,000	-	

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	569	Trưa (Giờ ăn: 11h15)	Gạo	Kg	137			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Đậu phụ	Kg	48.5	22,000	1,067,000				Đậu rang thịt
			Thịt lợn vai	Kg	35.6	150,000	5,340,000				
3			Thịt lợn vai xay	Kg	2.0	150,000	300,000				Nấu canh
4			Bí đỏ	Kg	77.8	20,000	1,556,000				Luộc, nấu canh
Cộng trưa							**8,263,000**				
1	569	Tối (Giờ ăn: 17h45)	Gạo	Kg	137			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt gà công nghiệp	Kg	72.6	90,000	6,534,000				Thịt gà rang gừng
3			Thịt lợn vai xay	Kg	2.0	150,000	300,000				Nấu canh
4			Bí xanh	Kg	70.2	20,000	1,404,000				Luộc, nấu canh
Cộng tối							**8,238,000**				
Tổng cả ngày							**16,501,000**				

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MƯỜNG CHÀ

Lường Văn Hà

Sở GDĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MƯỜNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Thứ 6 , ngày 13 tháng 11 năm 2026

TS HS toàn trường			HS bán trú					Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS bán trú	Có mặt		Vắng mặt					
						Có lý do	Không có lý do				
			569		569	-	-	29,000	16,501,000	-	

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	569	Trưa (Giờ ăn: 11h15)	Gạo	Kg	137			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Giò lợn nạc	Kg	37.5	170,000	6,375,000				Giò Hấp
4			Thịt lợn vai xay	Kg	2.0	150,000	300,000				Nấu canh
5			Rau cải	Kg	77.5	20,000	1,550,000				Luộc, nấu canh
Cộng trưa							**8,225,000**				
1	569	Tối (Giờ ăn: 17h45)	Gạo	Kg	137			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt lợn vai xay	Kg	27.3	150,000	4,095,000				Thịt rang trứng
3			Thịt lợn vai xay	Kg	2.0	150,000	300,000				Nấu canh
4			Trứng gà	Quả	522.0	4,500	2,349,000				
5			Bí đỏ	Kg	76.6	20,000	1,532,000				Luộc, nấu canh
Cộng tối							**8,276,000**				
Tổng cả ngày							**16,501,000**				

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MƯỜNG CHÀ

Lường Văn Hà

Sở GDĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MƯỜNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Thứ 7, ngày 14 tháng 11 năm 2026

TS HS toàn trường			HS bán trú					Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS bán trú	Có mặt		Vắng mặt					
						Có lý do	Không có lý do				
			569		569	-	-	29,000	16,501,000	-	

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	569	Trưa (Giờ ăn: 11h15)	Gạo	Kg	137			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Chả cá thì là	Kg	58.8	115,000	6,762,000				Chả cá rán
3			Thịt lợn vai xay	Kg	2.0	150,000	300,000				Nấu canh
5			Su su	Kg	69.9	20,000	1,398,000				Luộc, nấu canh
Cộng trưa							**8,460,000**				
1	569	Tối (Giờ ăn: 17h45)	Gạo	Kg	137			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt lợn vai	Kg	37.1	150,000	5,565,000				Thịt xào su su
3			Thịt lợn vai xay	Kg	2.0	150,000	300,000				Nấu canh
			Su su	Kg	35.4	20,000	708,000				Xào thịt
4			Bí xanh	Kg	73.4	20,000	1,468,000				Luộc, nấu canh
Cộng tối							**8,041,000**				
Tổng cả ngày							**16,501,000**				

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MƯỜNG CHÀ

Lường Văn Hà

Sở GDĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MƯỜNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Chủ nhật , ngày 15 tháng 11 năm 2026

TS HS toàn trường			HS bán trú					Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS bán trú	Có mặt		Vắng mặt					
						Có lý do	Không có lý do				
			569		569	-	-	29,000	16,501,000	-	

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	569	Trưa (Giờ ăn: 11h15)	Gạo	Kg	137			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt lợn vai xay	Kg	27.2	150,000	4,080,000				Thịt rang trứng
3			Thịt lợn vai xay	Kg	2.0	150,000	300,000				Nấu canh
4			Trứng gà	Quả	522.0	4,500	2,349,000				
5			Bí đỏ	Kg	76.7	20,000	1,534,000				Luộc, nấu canh
Cộng trưa							**8,263,000**				
1	569	Tối (Giờ ăn: 17h45)	Gạo	Kg	137			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt gà công nghiệp	Kg	72.6	90,000	6,534,000				Thịt gà rang gừng
3			Thịt lợn vai xay	Kg	2.0	150,000	300,000				Nấu canh
5			Bí xanh	Kg	70.2	20,000	1,404,000				Luộc, nấu canh
Cộng tối							**8,238,000**				
Tổng cả ngày							**16,501,000**				

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MƯỜNG CHÀ

Lường Văn Hà